SƠ ĐỒ PHƯƠNG HƯỚNG PHÂN BỔ VÀ KHOANH VÙNG CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT
TỈNH LẠNG SƠN THỜI KỲ 2026-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

VỊ TRÍ TỈNH LẠNG SƠN TRONG LÃNH THỔ VIỆT NAM

TỈNH CAO BẰNG

TRUNG QUỐC

TỈNH THÁI NGUYÊN

TỈNH QUẢNG NINH

TỈNH BẮC NINH

105°40'0"E 105°50'0"E 106°0'0"E 106°10'0"E 106°20'0"E 106°30'0"E 106°40'0"E 106°50'0"E 107°0'0"E 107°10'0"E 107°20'0"E 107°30'0"E

22°30'0"N 22°20'0"N 22°10'0"N 22°0'0"N 21°50'0"N 21°40'0"N 21°30'0"N 21°20'0"N

Xã Đoàn Kết, Xã Thiện Kế, Xã Quốc Khánh, Xã Tân Tiến, Xã Kháng Chiến, Xã Quốc Việt, Xã Hoà Thắm, Xã Tràng Định, Xã Quý Hoà, Xã Văn Lãng, Xã Thuỵ Hùng, Xã Na Sầm, Xã Thiện Hoà, Xã Hồng Phong, Xã Thiện Thuật, Xã Hội Hoan, Xã Thiện Long, Xã Bình Gia, Xã Hoàng Văn Thụ, Xã Tân Văn, Xã Cao Lộc, Xã Bắc Sơn, Xã Đồng Đăng, Xã Ba Sơn, Xã Tân Tri, Xã Điềm He, Phường Tam Thanh, Xã Văn Quan, Xã Công Sơn, Xã Vũ Lăng, Xã Kháng Chiến, Phường Kỳ Lừa, Xã Tri Lễ, Phường Lương Văn Tri, Xã Yên Phúc, Xã Mẫu Sơn, Xã Vũ Lễ, Xã Hưng Vũ, Xã Lộc Bình, Phường Đông Kinh, Xã Tân Đoàn, Xã Nhất Hoà, Xã Chiến Thắng, Xã Khuất Xá, Xã Bằng Mạc, Xã Khánh Ly, Xã Na Dương, Xã Hữu Lân, Xã Thống Nhất, Xã Lợi Bác, Xã Văn Lãng, Xã Quốc Sơn, Xã Kiên Mộc, Xã Yên Bình, Xã Xuân Dương, Xã Đình Lập, Xã Thiện Tân, Xã Cai Kinh, Xã Châu Sơn, Xã Văn Nham, Xã Thái Bình, Xã Hữu Lũng, Xã Tân Thành, Xã Tuấn Sơn

N W E S

CHÚ GIẢI

- Cửa khẩu quốc tế
- Cửa khẩu chính
- Cửa khẩu phụ
- Địa giới quốc gia
- Địa giới tỉnh
- Địa giới xã
- Ga đường sắt
- Ga đường sắt quy hoạch
- Cảng thuỷ nội địa quy hoạch
- Cảng cạn quy hoạch
- Đường cao tốc
- Quốc lộ
- Đường tỉnh
- Đường tuần tra biên giới
- Đường xã
- Đường sắt
- Đường cao tốc quy hoạch
- Quốc lộ quy hoạch
- Đường tỉnh quy hoạch
- Đường sắt quy hoạch
- Đường thủy nội địa địa quy hoạch

CHÚ DẪN

KÝ HIỆU HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU QUY HOẠCH	TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU QUY HOẠCH	TÊN KÝ HIỆU
LUA		Đất trồng lúa	DTT	DTT	Đất xây dựng trụ sở cơ quan
LUC		Đất chuyên trồng lúa nước	DHT	DHT	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, tổ chức sự nghiệp
HNK		Đất trồng cây hàng năm khác	DTT	DTT	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, tổ chức sự nghiệp
CLN	CLN	Đất trồng cây lâu năm	DSN	DSN	Đất danh lam thắng cảnh
RTN	RTN	Đất rừng phòng hộ	DNT	DNT	Đất cơ sở tôn giáo
	RDD	Đất rừng nghiên cứu thí nghiệm	DNT	DNT	Đất cơ sở tín ngưỡng
RSP	RSP	Đất quốc phòng	TSC	DTS	Đất xây dựng trụ sở cơ quan
CAN	RSP	Đất an ninh	DTS	DHT	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, tổ chức sự nghiệp
SKK	SKK	Đất khu công nghiệp	TON	DHT	Đất có mặt nước
SKN	SKN	Đất cụm công nghiệp	DKV	DKV	Đất khai thác, sử dụng nước
TMD	SKT	Đất thương mại, dịch vụ	BCS	DKV	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng
SKC	SKT	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	MCK		Đất bãi thải, xử lý chất thải
DHT	SKT	Đất phát triển hạ tầng	BCS		Đất đô thị chưa sử dụng
DVH	SKT	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	MCK		Đất đô thị chưa sử dụng
					Đất để không có rừng cây

TỶ LỆ 1 : 100.000

0 5 10 20 Km